

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tài

2. Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Khánh H, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã LST, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã LST, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2019 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Khánh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và bị đơn anh Nguyễn Văn T thành hôn và có đăng ký kết hôn ngày 18/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã LST, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở tự nguyện. Thời gian chung sống khoảng 11 năm, quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên đi nhậu và còn đánh chị hiện chị và anh T không còn chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay.

Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh T

Về nuôi con : Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11/3/2003 hiện đang sống chị, chị yêu cầu được nuôi cháu N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý vụ án và gửi các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho anh T biết đồng thời triệu tập các đương sự đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng phía anh T không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về yêu cầu khởi kiện của chị H và không tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa chị H, anh T, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa nhiều lần, nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh T vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm

Vị đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử cho chị Nguyễn Thị Khánh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; con chung tiếp tục giao Nguyễn Hồng N cho chị Nguyễn Thị Khánh H nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai có quyền cản trở.

Án phí chị H nộp 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, chị H không phải nộp tiếp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Khánh H có đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T và yêu cầu nuôi con nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự

Chị Nguyễn Thị Khánh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân : Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Khánh H và bị đơn anh Nguyễn Văn T thành hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã LST, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau.

Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh T, phía anh T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia phiên họp, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng anh T không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về việc xin ly hôn của chị H và không đến Tòa án giải quyết việc kiện với chị H. Mặt khác, theo chị H xác định chị và anh T không chung sống khoảng 06 năm nay. Điều này, chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H ly hôn với anh T là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Anh, chị có một con chung Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11/3/2003 hiện đang sống với chị H, xét từ khi anh, chị không chung sống với nhau cháu N trực tiếp sống với chị H, việc nuôi con của chị H vẫn đảm bảo có đủ điều kiện để nuôi con, mặt khác cháu N có ý kiến nguyện vọng xin được sống với chị H, nên tiếp tục giao con chung Nguyễn Hồng N cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp các điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết là phù hợp Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản: Chị H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm : Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng, chị H không phải nộp tiếp.

Xét phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Khánh H. Xử cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Khánh H ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T.

2.Về nuôi con: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11/3/2003 cho chị Nguyễn Thị Khánh H nuôi dưỡng anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

3.Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Khánh H nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0015176 ngày 28/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO, chị H không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện cùng cấp;
- UBND xã LST (giấy chứng nhận kết hôn số 73/2002 quyền 01/2002 ngày 18/12/2002)
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Điều